

Số: 1698 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực  
Du lịch, biểu diễn nghệ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 2222/QĐ-BVHTTDL ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-BVHTTDL ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 31/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động*

và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 68/TTr-SVHTTDL ngày 06/8/2021.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch, biểu diễn nghệ thuật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch xây dựng và phê duyệt quy trình nội bộ đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Sở; trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

### **Điều 3.** Hiệu lực thi hành

1. Các thủ tục hành chính số thứ tự 01, 02 Mục 1 Phần A Phụ lục có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 31/01/2022.

2. Các thủ tục hành chính số thứ tự từ số 01 đến số 08 Mục 2 Phần A Phụ lục có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2021.

**Điều 4.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTT);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + CVP, PCVP Bùi Huy Khánh;
- + TTPVHCC, KGVX, TTTT;
- + Lưu: VT, NC-KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Sơn**

## Phụ lục

### THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH, BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

#### PHẦN A: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

##### 1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở VH TTDL	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)
1	Thủ tục hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật gặp khó khăn do đại dịch Covid-19		05 ngày	05 ngày	05 ngày		Không	x	x	
2	Thủ tục hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19	MC	04 ngày	04 ngày	04 ngày		Không	x	x	

##### 2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở VH TTDL	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)
1	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	MC	10 ngày	08 ngày	08 ngày		1.500.000 đồng/giấy phép	x	x	
2	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	MC	05 ngày	05 ngày	05 ngày		750.000 đồng/giấy phép	x	x	
3	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	MC	05 ngày	05 ngày	05 ngày		1.000.000 đồng/giấy phép	x	x	
4	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	MC	15 ngày	15 ngày	15 ngày		325.000 đồng/thẻ	x	x	
5	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	MC	10 ngày	10 ngày	10 ngày		325.000 đồng/thẻ	x	x	
6	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	MC	10 ngày	10 ngày	10 ngày		100.000 đồng/thẻ	x	x	
7	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	MC	10 ngày	10 ngày	10 ngày		325.000 đồng/thẻ	x	x	
8	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	MC	10 ngày	10 ngày	10 ngày		Tùy loại hình <sup>1</sup>	x	x	

(1) - 325.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa;  
- 100.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.

## PHẦN B. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### I. NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN

#### 1. Thủ tục hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

\* **Trình tự thực hiện:** Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật (bao gồm cả đơn vị trực thuộc cơ quan trung ương) lập Danh sách viên chức hoạt động nghệ thuật bảo đảm điều kiện theo quy định tại Điều 28 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ gửi về Bộ phận Một cửa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bắc Giang. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

\* **Cách thức thực hiện:**

Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

\* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: Danh sách viên chức hoạt động nghệ thuật bảo đảm điều kiện theo quy định tại Điều 28 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

\* **Thời hạn giải quyết:**

- Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Danh sách theo đề nghị của đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, thẩm định và ký Quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

\* **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

\* **Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

\* **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Mức hỗ trợ: 3.710.000 đồng/người. Phương thức chi trả qua tài khoản: Trả 01 lần cho người lao động

\* **Phí, lệ phí:** Không quy định.

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Danh sách viên chức hoạt động nghệ thuật đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ)

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Là đạo diễn nghệ thuật, diễn viên, họa sĩ giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV.

- Làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật (không bao gồm các đơn vị nghệ thuật lực lượng vũ trang) phải tạm dừng hoạt động từ 15 ngày trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19.

**\* Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

- Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch covid-19.

- Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 31/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ủy quyền thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN ...  
TÊN ĐƠN VỊ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

V/v đề nghị hỗ trợ viên chức hoạt  
động nghệ thuật gặp khó khăn do  
đại dịch COVID-19

Kính gửi: .....(1).....

1. Tên đơn vị: .....
2. Mã số thuế: .....
3. Loại hình đơn vị: .....
4. Quyết định thành lập: .....
5. Địa chỉ liên hệ/Điện thoại/Fax/Email: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Chức danh nghề nghiệp	Mã số BHXH	Thời gian dừng hoạt động (từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm)	Số tài khoản nhận lương (nếu có)	Ngân hàng mở tài khoản	Chữ ký
		Nam	Nữ							
1										
2										
...										

**Nơi nhận:**

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch;
- Lưu: ....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên và đóng dấu)

## II. DỊCH VỤ LỮ HÀNH

### 1. Thủ tục hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19

#### \* Trình tự thực hiện:

1. Hướng dẫn viên du lịch có nhu cầu hỗ trợ gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi cấp thẻ cho hướng dẫn viên du lịch. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

2. Trong 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ, cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh thẩm định hồ sơ, ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ, đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, cơ quan chuyên môn thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### \* Cách thức thực hiện:

Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Giang tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Tòa nhà liên cơ quan, Quảng trường 03/2, TP Bắc Giang

#### \* Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Giấy Đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

(2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ sau đây:

a) 01 bản hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm nộp hồ sơ;

b) 01 bản hợp đồng lao động với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Thẻ hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch được thành lập theo đúng quy định của pháp luật còn thời hạn sử dụng đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

\* **Thời hạn giải quyết:** 04 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

\* **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

\* **Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

\* **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Mức hỗ trợ một lần 3.710.000 đồng/người trả qua tài khoản.

\* **Phí, lệ phí:** không.

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Giấy Đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ



tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

**\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Có thể hướng dẫn viên du lịch theo quy định của Luật Du lịch còn thời hạn sử dụng đến thời điểm nộp hồ sơ.

(2) Có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch hoặc là hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch.

(3) Hướng dẫn viên du lịch chưa được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và chính sách hỗ trợ tại địa phương năm 2021.

**\* Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019.

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.

- Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

- Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

- Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 31/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ủy quyền thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

*(Dành cho hướng dẫn viên du lịch)*

Kính gửi: .....(1).....

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

1. Họ và tên: ..... Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....
2. Dân tộc: ..... Giới tính: .....
3. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số: .....  
Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....
4. Thẻ hướng dẫn viên du lịch: Số ..... Giá trị đến (2): .....  
Là hướng dẫn viên du lịch tại (3): .....
5. Mã số thuế cá nhân (nếu có): .....
6. Nơi ở hiện tại:.....
7. Điện thoại liên hệ: .....

**II. THÔNG TIN VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM HIỆN NAY**

Hiện nay, tôi bị ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày ...../...../2021 đến ngày ...../...../2021.

Tôi chưa hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định tại Quyết định số ..../2021/QĐ-TTg ngày .... tháng ... năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, tôi đề nghị ..... xem xét, giải quyết hỗ trợ theo quy định.

Nếu được hỗ trợ, đề nghị thanh toán qua hình thức:

- Tài khoản: Tên tài khoản: ..... Số tài khoản: .....; Ngân hàng: .....
- Bru điện (Theo địa chỉ nơi ở)
- Trực tiếp

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
**QUẢN LÝ KHU DU LỊCH, ĐIỂM DU LỊCH**  
**(nếu có) (4)**

....., ngày .... tháng .... năm.....  
**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

- (1): Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch.
- (2): Giá trị thẻ còn hạn đến thời điểm nộp hồ sơ.
- (3): Tên của khu du lịch, điểm du lịch (*Áp dụng đối với hướng dẫn viên du lịch tại điểm*).
- (4): Xác nhận của tổ chức, cá nhân quản lý khu du lịch, điểm du lịch (*Áp dụng đối với hướng dẫn viên du lịch tại điểm*)

## **2. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa**

### **\* Trình tự thực hiện:**

- Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa nộp hồ sơ đến Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi doanh nghiệp có trụ sở;
- Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**\* Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

### **\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:
  - (1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);
  - (2) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - (3) Giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành;
  - (4) Bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành;
  - (5) Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa. Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**\* Thời hạn giải quyết:** 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**\* Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**\* Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**\* Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.

**\* Phí, lệ phí:** 1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

**\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

**\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- (1) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
- (2) Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa tại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

(3) Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa.

-Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là người giữ một trong các chức danh sau: chủ tịch hội đồng quản trị; chủ tịch hội đồng thành viên; chủ tịch công ty; chủ doanh nghiệp tư nhân; tổng giám đốc; giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng bộ phận kinh doanh dịch vụ lữ hành.

- Chuyên ngành về lữ hành bao gồm một trong các chuyên ngành sau:

- + Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;
- + Quản trị lữ hành;
- + Điều hành tour du lịch;
- + Marketing du lịch;
- + Du lịch;
- + Du lịch lữ hành;
- + Quản lý và kinh doanh du lịch;
- + Quản trị du lịch MICE;
- + Đại lý lữ hành;
- + Hướng dẫn du lịch.

**\* Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

- *Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.*

- *Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, có hiệu lực từ ngày 01/7/201 đến hết ngày 31/12/2021.*

**\*Ghi chú: Phần in nghiêng là phần được sửa đổi, bổ sung.**

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA**

Kính gửi: Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...

1. Tên doanh nghiệp (*chữ in hoa*):.....

Tên giao dịch:.....

Tên viết tắt:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính :.....

Điện thoại :..... - Fax :.....

Website :..... - Email :.....

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....

..... Giới tính :.....

Chức danh:.....

Sinh ngày :...../...../.....Dân tộc :..... Quốc tịch :.....

Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân /Hộ chiếu số:.....cấp ngày: ...../...../.....Nơi cấp : .....

Email: ..... Điện thoại: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :.....

Chỗ ở hiện tại :.....

4. Tên, địa chỉ chi nhánh (*nếu có*): .....5. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện (*nếu có*):..........  
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:.....cấp ngày ...../...../..... Nơi cấp: .....

7. Tài khoản ký quỹ số.....tại ngân hàng.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố.... cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

### **3. Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa**

#### **\* Trình tự thực hiện:**

-Doanh nghiệp gửi đơn đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong trường hợp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành bị mất hoặc bị hư hỏng;

-Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của doanh nghiệp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**\* Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ Tòa nhà liên cơ quan, quảng trường 03/2 TP Bắc Giang

#### **\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**\* Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.

**\* Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**\* Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**\* Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**\* Phí, lệ phí:** 750.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

**\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

**\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

(2) Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa tại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

(3) Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa.

- Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là người giữ một trong các chức danh sau: chủ tịch hội đồng quản trị; chủ tịch hội đồng thành viên; chủ tịch công ty; chủ doanh nghiệp tư nhân; tổng giám đốc; giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng bộ phận kinh doanh dịch vụ lữ hành.

- Chuyên ngành về lữ hành bao gồm một trong các chuyên ngành sau:

+ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;

+ Quản trị lữ hành;

- + Điều hành tour du lịch;
- + Marketing du lịch;
- + Du lịch;
- + Du lịch lữ hành;
- + Quản lý và kinh doanh du lịch;
- + Quản trị du lịch MICE;
- + Đại lý lữ hành;
- + Hướng dẫn du lịch.

**\* Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

- *Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.*

- *Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, có hiệu lực từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021.*

***\*Ghi chú: Phần in nghiêng là phần được sửa đổi, bổ sung.***

Mẫu số 05

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA**

Kính gửi: Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...

1. Tên doanh nghiệp (*chữ in hoa*):.....

Tên giao dịch:.....

Tên viết tắt:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính :.....

.....

Điện thoại :..... - Fax :.....

Website :..... - Email :.....

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....

..... Giới tính :.....

Chức danh:.....

Sinh ngày :...../...../....Dân tộc :..... Quốc tịch :.....

Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân /Hộ chiếu số:.....cấp ngày: ...../...../....Nơi cấp : .....

Email: ..... Điện thoại: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :.....

.....

Chỗ ở hiện tại :.....

.....

4. Tên, địa chỉ chi nhánh (*nếu có*):.....

.....

5. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện (*nếu có*):.....

.....

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số.....cấp ngày ...../...../.... nơi cấp: .....

7. Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa số ..... do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

8. Tài khoản ký quỹ số.....tại ngân hàng.....

9. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép:.....

.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp.



Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

#### **4. Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa**

##### **\* Trình tự thực hiện:**

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đến Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong trường hợp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

\* **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ Tòa nhà liên cơ quan, Quảng trường 03/2, TP Bắc Giang

##### **\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

(2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa của doanh nghiệp;

(3) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

\* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

\* **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

##### **\* Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

\* **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

\* **Phí, lệ phí:** 1.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

##### **\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

##### **\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

(2) Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa tại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

(3) Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa.

-Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là người giữ một trong các chức danh sau: chủ tịch hội đồng quản trị; chủ tịch hội đồng thành viên; chủ tịch công ty; chủ doanh nghiệp tư nhân; tổng giám đốc; giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng bộ phận kinh doanh dịch vụ lữ hành.

- Chuyên ngành về lữ hành bao gồm một trong các chuyên ngành sau:

+ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;

+ Quản trị lữ hành;

+ Điều hành tour du lịch;

+ Marketing du lịch;

+ Du lịch;

+ Du lịch lữ hành;

+ Quản lý và kinh doanh du lịch;

+ Quản trị du lịch MICE;

+ Đại lý lữ hành;

+ Hướng dẫn du lịch.

**\* Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

- *Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.*

- *Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, có hiệu lực từ ngày 01/7/201 đến hết ngày 31/12/2021.*

**\*Ghi chú: Phần in nghiêng là phần được sửa đổi, bổ sung.**

**Mẫu số 05**

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA**

Kính gửi: Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...

1. Tên doanh nghiệp (*chữ in hoa*):.....

Tên giao dịch:.....

Tên viết tắt:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính :.....

.....

Điện thoại :..... - Fax :.....

Website :..... - Email :.....

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....

..... Giới tính :.....

Chức danh:.....

Sinh ngày :...../...../.....Dân tộc :..... Quốc tịch :.....

Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân /Hộ chiếu số:.....cấp ngày: ...../...../.....Nơi cấp : .....

Email: ..... Điện thoại: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :.....

.....

Chỗ ở hiện tại :.....

.....

4. Tên, địa chỉ chi nhánh (nếu có):.....

.....

5. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có):.....

.....

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số.....cấp ngày ..../...../..... nơi cấp: .....

7. Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa số ..... do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

8. Tài khoản ký quỹ số.....tại ngân hàng.....

9. Lý do đề nghị cấp đổi giấy phép:.....

.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

## 5. Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế

### \* Trình tự thực hiện:

- Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế nộp hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế cho người đề nghị; trường hợp hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### \* Cách thức thực hiện:

Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ: Tòa nhà Liên cơ quan, Quảng trường 03/2, TP Bắc Giang

### \* Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế (*Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*);

(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

(3) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

(4) Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ nghiệp vụ:

Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế\*;

(5) Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ ngoại ngữ:

Bản sao có chứng thực\* một trong các giấy tờ sau :

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ\*;

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài\*;

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài\*;

- Chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc B2 trở lên Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu, còn thời hạn hoặc được cấp trong vòng 05 năm đối với chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ không quy định thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017\*.

Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội\*.

(6) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm\*.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

\* **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

\* **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

\* **Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

\* **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

\* **Phí, lệ phí:** 325.000 đồng/thẻ (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)\*.

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)\*.

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;  
 (2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;  
 (3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;  
 (4) Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế\*;

(5) Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề: đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ\*;  
 - Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài\*;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài\*;  
 - Có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc B2 trở lên Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu, còn thời hạn hoặc được cấp trong vòng 05 năm đối với chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ không quy định thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017\*.

\* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.

- Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, có hiệu lực từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

\***Ghi chú:** Phần in nghiêng là phần được sửa đổi, bổ sung.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bắc Giang, ngày.....tháng ... năm.....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch .....(1).....**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang

- Họ và tên (chữ in hoa):.....
- Ngày sinh:...../...../..... - Giới tính:  Nam  Nữ
- Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân:.....
- Nơi cấp:..... - Ngày cấp:.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
- Trình độ ngoại ngữ (đối với người đề nghị cấp thẻ HDV du lịch quốc tế):  
.....
- Địa chỉ liên lạc:.....  
.....
- Điện thoại: ..... - Email: .....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang thẩm định và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch .....(1)..... cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*\* Hướng dẫn ghi: ....(1).....: Ghi loại tên các loại thẻ đề nghị cấp: Quốc tế, nội địa hoặc tại điểm.*

## **6. Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa**

### **\* Trình tự thực hiện:**

- Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa nộp hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **\* Cách thức thực hiện:**

Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ: Tòa nhà Liên cơ quan, Quảng trường 03/2, TP Bắc Giang.

### **\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (*Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*)\*;

(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

(3) Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ nghiệp vụ:

Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa\*;

(4) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

(5) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm\*.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**\* Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**\* Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**\* Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**\* Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.

**\* Phí, lệ phí:** 325.000 đồng/thẻ (*Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*)\*.

**\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (*Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*)\*.

**\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy\*;

(4) Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa\*.



**\* Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

- *Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.*

- *Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, có hiệu lực từ ngày 01/7/201 đến hết ngày 31/12/2021.*

***\*Ghi chú: Phần in nghiêng là phần được sửa đổi, bổ sung***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Bắc Giang, ngày.....tháng ... năm.....***ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch .....(1).....**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang

- Họ và tên (chữ in hoa):.....
- Ngày sinh:...../...../..... - Giới tính:  Nam  Nữ
- Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân:.....
- Nơi cấp:..... - Ngày cấp:.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
- Trình độ ngoại ngữ (đối với người đề nghị cấp thẻ HDV du lịch quốc tế):  
.....
- Địa chỉ liên lạc:.....  
.....
- Điện thoại: ..... - Email: .....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang thẩm định và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch .....(1)..... cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ***(Ký và ghi rõ họ tên)*

\* **Hướng dẫn ghi:** ....(1)....: Ghi loại tên các loại thẻ đề nghị cấp: Quốc tế, nội địa hoặc tại điểm.

**7. Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm****\* Trình tự thực hiện:**

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch định kỳ hằng năm công bố kế hoạch tổ chức kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm;

- Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm nộp hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm đối với người đã đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ trong thời hạn 10

ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra.

**\* Cách thức thực hiện:**

Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ: Tòa nhà Liên cơ quan, Quảng trường 03/2, TP Bắc Giang.

**\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (*Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*);

(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

(3) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

(4) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**\* Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra.

**\* Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**\* Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**\* Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.

**\* Phí, lệ phí:** 100.000 đồng/thẻ (*Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

**\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (*Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

**\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;

(4) Đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.

**\* Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

- *Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,*

*Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.*

*- Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, có hiệu lực từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021.*

***\*Ghi chú: Phần in nghiêng là phần được sửa đổi, bổ sung***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Bắc Giang, ngày.....tháng ... năm.....***ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch .....(1).....**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang

- Họ và tên (chữ in hoa):.....
- Ngày sinh:...../...../..... - Giới tính:  Nam  Nữ
- Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân:.....
- Nơi cấp:..... - Ngày cấp:.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
- Trình độ ngoại ngữ (đối với người đề nghị cấp thẻ HDV du lịch quốc tế):  
.....
- Địa chỉ liên lạc:.....  
.....
- Điện thoại: ..... - Email: .....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang thẩm định và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch .....(1)..... cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ***(Ký và ghi rõ họ tên)*

**\* Hướng dẫn ghi:** .....(1).....: Ghi loại tên các loại thẻ đề nghị cấp: Quốc tế, nội địa hoặc tại điểm.

## **8. Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa**

### **\* Trình tự thực hiện:**

- Hướng dẫn viên du lịch quốc tế, hướng dẫn viên du lịch nội địa nộp hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **\* Cách thức thực hiện:**

Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ Tòa nhà Liên cơ quan, Quảng trường 03/2, TP Bắc Giang.

### **\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch *Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*)\*;

(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

(3) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

(4) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm.

(5) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp;

(6) Thẻ hướng dẫn viên du lịch đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

\* **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

\* **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

\* **Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

\* **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế/Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.

\* **Phí, lệ phí:** 325.000 đồng/thẻ (*Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch (*Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Bảo đảm duy trì các điều kiện cấp thẻ:

(1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;

(4) Hướng dẫn viên du lịch nội địa tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa. Hướng dẫn viên du lịch quốc tế tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế;

(5) Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề (đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế): đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;
- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài\*;
- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài;
- Có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc B2 trở lên Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu, còn thời hạn hoặc được cấp trong vòng 05 năm đối với chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ không quy định thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017.

**\* Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

- *Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.*

- *Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, có hiệu lực từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021.*

**\*Ghi chú: Phần in nghiêng là phần được sửa đổi, bổ sung**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bắc Giang, ngày....tháng ..... năm.....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**.....(1).....thẻ hướng dẫn viên du lịch.....(2).....**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang

- Họ và tên (chữ in hoa):.....
- Ngày sinh:...../...../..... - Giới tính:  Nam  Nữ
- Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân:.....
- Nơi cấp:..... - Ngày cấp:.....
- Địa chỉ liên lạc:.....
- .....
- Điện thoại: ..... - Email: .....
- Đã được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch:
- + Loại:  Nội địa  Quốc tế  Tại điểm
- + Số thẻ: ..... - Nơi cấp: ..... - Ngày cấp: ..../...../.....
- Lý do đề nghị cấp đổi/cấp lại thẻ: .....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang thẩm định và .....(1)....thẻ hướng dẫn viên du lịch .....(2).....cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp đổi/cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**\* Hướng dẫn ghi:**

- (1) *Cấp đổi (trong các trường hợp quy định tại Điều 62 Luật Du lịch); cấp lại (trong các trường hợp quy định tại Điều 63 Luật Du lịch);*
- (2) *Quốc tế, nội địa hoặc tại điểm.*

**9. Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch**

**\* Trình tự thực hiện:**

- Hướng dẫn viên du lịch nộp hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong trường hợp thẻ bị mất, bị hư hỏng hoặc thay đổi thông tin trên thẻ;

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**\* Cách thức thực hiện:**



Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ: Tòa nhà Liên cơ quan, Quảng trường 03/2, TP Bắc Giang.

**\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch (*Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*);

(2) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm;

(3) Bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi trong trường hợp cấp lại thẻ do thay đổi thông tin trên thẻ hướng dẫn viên du lịch.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**\* Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**\* Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**\* Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**\* Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế/Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa/Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.

**\* Phí, lệ phí:**

- 325.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (*Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*)

- 100.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (*Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

**\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch *Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

**\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Bảo đảm duy trì các điều kiện cấp thẻ:

(1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;

(4) Hướng dẫn viên du lịch nội địa tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa. Hướng dẫn viên du lịch quốc tế tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế. Hướng dẫn viên du lịch tại điểm đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.

(5) Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề (đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế): đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài;
- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài;
- Có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc B2 trở lên Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu, còn thời hạn hoặc được cấp trong vòng 05 năm đối với chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ không quy định thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017.

**\* Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.
- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.
- *Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.*
- *Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, có hiệu lực từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021.*

***\*Ghi chú: Phần in nghiêng là phần được sửa đổi, bổ sung***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bắc Giang, ngày....tháng ..... năm.....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**.....(1).....thẻ hướng dẫn viên du lịch.....(2).....**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang

- Họ và tên (chữ in hoa):.....
- Ngày sinh:...../...../..... - Giới tính:  Nam  Nữ
- Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân:.....
- Nơi cấp:..... - Ngày cấp:.....
- Địa chỉ liên lạc:.....
- .....
- Điện thoại: ..... - Email: .....
- Đã được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch:
- + Loại:  Nội địa  Quốc tế  Tại điểm
- + Số thẻ: ..... - Nơi cấp: ..... - Ngày cấp: ..../...../.....
- Lý do đề nghị cấp đổi/cấp lại thẻ: .....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang thẩm định và .....(1)....thẻ hướng dẫn viên du lịch .....(2)....cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp đổi/cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**\* Hướng dẫn ghi:**

- (1) *Cấp đổi (trong các trường hợp quy định tại Điều 62 Luật Du lịch); cấp lại (trong các trường hợp quy định tại Điều 63 Luật Du lịch);*
- (2) *Quốc tế, nội địa hoặc tại điểm.*